

Bản án số: 29/2018/HC-ST

Ngày: 26-6-2018

Về việc khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Ngọc Minh.

2. Ông Đoàn Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2017/HCST ngày 27 tháng 11 năm 2017 về “*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HC ngày 07/6/2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư **Phạm Văn C** – Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đ** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố 02, thị trấn D, huyện P, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện người khởi kiện bà Đỗ Thị T trình bày:

Năm 2002 bà Đỗ Thị T nhận chuyển nhượng của ông Đinh Văn U một thửa đất tại ấp Đ, xã D, huyện P. Trên đất thời điểm chuyển nhượng ông U đã trồng khoảng 1.000 cây tràm bông vàng và hơn 200 cây đào. Về nguồn gốc đất này do ông U khai hóa vào năm 1995, sử dụng ổn định, không tranh chấp đến ngày chuyển nhượng cho bà T.

Quá trình sử dụng năm 2005 cháy rừng lan sang đất của bà T nên cây trồng bị cháy hết. Bà T đã thuê người trồng lại hai lần. Năm 2008 bà T đo đạc đề xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không làm được, chính quyền cũng không cho biết lý do vì sao. Năm 2009 bà T đào giếng, cất nhà trên khu đất để trông coi và chăm sóc cây trồng.

Ngày 22/02/2016 bà T nhận được Quyết định 6891/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P thu hồi của bà T 27.119,3m² đất theo trích đo địa chính ngày 19/5/2014. Do đất bị thu hồi nhưng không được bồi thường nên bà T làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện P.

Ngày 22/5/2017 UBND huyện P ra Quyết định số 4634/QĐ-UBND không bồi thường hỗ trợ cho bà T, lý do: Đất sử dụng sau ngày 01/7/2004, đất Nhà nước quản lý.

Trong đơn kiện ngày 11/8/2017 bà T yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số 6891/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện P về việc thu hồi đất đối với bà T và hủy Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà T.

Sau khi Tòa án thụ lý đơn kiện của bà T, tại Biên bản làm việc ngày 29/12/2017 bà T rút lại yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6891/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện P.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P: Đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không có văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà T giữ nguyên việc rút lại yêu cầu hủy Quyết định số 6891/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện P về việc thu hồi đất đối với bà T. Bà chỉ yêu

cầu hủy quyết định bồi thường, hỗ trợ số 4634/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P để buộc UBND huyện P ban hành quyết định mới bồi thường, hỗ trợ cho bà theo đúng quy định của pháp luật. Vì đất này bà T đã sử dụng ổn định từ năm 2002, có thành quả lao động trên đất nên đủ điều kiện để được bồi thường.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện xác định: Diện tích đất bà T bị thu hồi có nguồn gốc do ông Đinh Văn U khai phá từ năm 1995, còn bà T sử dụng từ năm 2002 có nhà, trồng cây trên đất. Trước khi chuyển nhượng cho bà T ông U đã đào ao, lên líp trồng cây cổ thụ và cây hoa màu nhưng do nhiều lần bị cháy rừng lan sang nên thành quả cũ không còn. Trường hợp của bà T đủ điều kiện để được bồi thường khi thu hồi đất nhưng UBND huyện P không bồi thường là không đúng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T.

- Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Đối với người bị kiện không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan là không chấp hành nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 78 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

Bà T đã sử dụng đất từ năm 2002, nguồn gốc đất do ông U khai phá, sử dụng từ năm 1995. UBND huyện P không có căn cứ nào để xác định đất của bà T sử dụng sau ngày 01/7/2004. Do đó, trường hợp của bà T đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai 2013. UBND huyện P không bồi thường cho bà T là không đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà T. Kiến nghị UBND huyện P ban hành quyết định mới bồi thường, hỗ trợ cho bà T theo đúng quy định của pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy Quyết định thu hồi đất số 6891/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết

quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quyết định số 6891/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện P về việc thu hồi đất đối với bà Đỗ Thị T và Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Đỗ Thị T (sau đây gọi tắt là Quyết định số 6891/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 và Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 12/5/2017), là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng hành chính.

Đại diện người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

Bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6891/QĐ-UBND ngày 28/12/2015, việc rút yêu cầu của bà T là tự nguyện, HĐXX căn cứ Khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bà T đã rút.

Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 69 Luật đất đai.

[2] Về nội dung:

Để xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Đỗ Thị T cần phải xem xét Quyết định thu hồi đất số 6891/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện P.

Quyết định thu hồi đất được ban hành từ ngày 28/12/2015 nhưng đến ngày 12/5/2017 UBND huyện P mới ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ là chưa đúng trình tự theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

Theo Bảng liệt kê kiểm đếm phần đất thu hồi của bà T thì tại thời điểm thu hồi đất trên đất của bà T có tài sản gồm: Tràm bông vàng loại D 5.626 cây, đào loại D 6.737 cây, nhà T40 28,35m² và giếng đào với số công đào đắp là 3.024m³.

Các tài sản này được bà T tạo lập trước khi có quyết định thu hồi đất. Khi ban hành quyết định thu hồi đất UBND huyện P không ra thông báo thu hồi đất. Theo quy định tại Điều 92 Luật đất đai Nhà nước chỉ không bồi thường tài sản trên đất khi tài sản đó được tạo lập sau khi có thông báo thu hồi đất hoặc tài sản được tạo lập trái pháp luật. Tài sản trên đất của bà T không thuộc hai trường hợp này

nhưng UBND huyện không bồi thường tài sản cho bà T khi thu hồi đất là không phù hợp.

[3] Đối với quyền sử dụng đất: Để xác định bà T có đủ điều kiện để được bồi thường hay không cần phải xác định thời điểm sử dụng đất của bà T.

Theo trình bày của bà T thì đất này bà T chuyển nhượng của ông Đinh Văn U vào năm 2002. Việc sang nhượng có nhiều người biết, trong đó có ông Nguyễn Văn Đ là trưởng ấp Đ, xã D từ năm 1998 đến năm 2004 xác định: Trong thời gian ông làm trưởng ấp Đ, không nhớ rõ năm nào ông có xác nhận vào “đơn xin khẩn đất trồng cây công nghiệp” ngày 18/02/1995 của ông Đinh Văn U. Đến năm 2002 ông U đã chuyển nhượng đất và thành quả lao động trên đất cho bà Đỗ Thị T. Ông Đ cũng ký xác nhận vào hợp đồng cho bà T và ông U. Ngoài ông Đ còn có bà Trịnh Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Mạc Thị B là người dân ở địa phương có quan hệ quen biết với bà T đều xác nhận bà T có mua đất của ông U vào năm 2002.

UBND huyện P sau khi ra quyết định thu hồi đất không ra quyết định bồi thường, hỗ trợ, bà T khiếu nại nhưng không ra quyết định giải quyết khiếu nại là chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 xác định đất của bà T sử dụng sau năm 2004 nhưng UBND huyện P không có căn cứ pháp luật nào để chứng minh cho nội dung này. Quá trình giải quyết vụ án UBND huyện P không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến về nội dung đơn kiện nên Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập để xem xét yêu cầu của bà T theo quy định tại Khoản 1 Điều 83 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ khoản 2 Điều 77 của Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Đối với đất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không đủ kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được bồi thường theo diện tích thực tế sử dụng*”. Trường hợp của bà T đã đủ điều kiện để được bồi thường, nhưng UBND huyện P ban hành quyết định không bồi thường là không đúng.

Kiến nghị UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà T theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T, chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

[4] Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

UBND huyện P phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 83, Khoản 2 Điều 173, Khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Khoản 3 Điều 69, Khoản 2 Điều 77 Luật đất đai.

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Đỗ Thị T về việc: Hủy Quyết định số 6891/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện P về việc thu hồi đất đối với bà Đỗ Thị T để thực hiện Dự án Khu du lịch – Dân cư N tại thị trấn A và xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

Hủy Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Đỗ Thị T tại Dự án Khu du lịch – Dân cư N tại thị trấn An T và xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà T theo đúng quy định của pháp luật.

4. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Đỗ Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000966 ngày 23/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký và đóng dấu)

- Các đương sự;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Cẩm Thu